

**CÔNG TY TNHH TM & DV HOÀNG SƠN BG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TM & DV HOÀNG SƠN BG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BG HOANG SON TM & DV COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY TNHH HOÀNG SƠN BG

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2400912773

**3. Ngày thành lập:** 16/06/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Xóm Cầu Xi, Xã Ngọc Châu, Huyện Tân Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0978 131 979

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                             | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                     | 4101        |
| 2.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                               | 4102        |
| 3.  | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                              | 4221        |
| 4.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                          | 4212        |
| 5.  | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                         | 4211        |
| 6.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                   | 4222        |
| 7.  | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                     | 4229        |
| 8.  | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                                              | 4291        |
| 9.  | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                                                 | 4293        |
| 10. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                            | 4299        |
| 11. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                | 4311        |
| 12. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                     | 4312        |
| 13. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                 | 4321        |
| 14. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                 | 4322        |
| 15. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                        | 4329        |
| 16. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                        | 4330        |
| 17. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                   | 4390        |
| 18. | Bán buôn đồ uống<br>Chi tiết: Bán buôn đồ uống nhẹ không chứa cồn, ngọt, có hoặc không có ga như: coca cola, pepsi cola, nước cam, chanh, nước quả khác...<br>- Bán buôn nước khoáng thiên nhiên hoặc nước tinh khiết đóng chai khác. | 4633        |
| 19. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                    | 4649        |
| 20. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                               | 4663        |
| 21. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                     | 4669        |
| 22. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                        | 4723        |
| 23. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                  | 4752        |
| 24. | Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng                                                                                                                                                                                               | 1104        |
| 25. | Đào tạo sơ cấp                                                                                                                                                                                                                        | 8531        |
| 26. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết:<br>- Tư vấn giáo dục<br>- Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục                                                                                                                            | 8560(Chính) |
| 27. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại                                                                                                                                              | 8559        |
| 28. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                        | 7730        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Địa chỉ liên lạc:

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ DIU

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 14/01/1999

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 122277466

Ngày cấp: 20/11/2014

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Giang

Địa chỉ thường trú: Xóm Cầu Xi, Xã Ngọc Châu, Huyện Tân Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Xóm Cầu Xi, Xã Ngọc Châu, Huyện Tân Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang